

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2020

V/v: Ly hôn giữa anh S và chị Ch

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lưu Hùng S, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang..

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kim Ch, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Hùng S trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2007, anh Lưu Hùng S và chị Lê Thị Kim Ch quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20-12-2007.

Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do chị Ch không tôn trọng anh S, không quan tâm chăm sóc chồng con, thiếu trách nhiệm đối với chồng con, anh S đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Ch vẫn không sửa đổi lỗi làm dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh S và chị Ch đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S yêu cầu được ly hôn với chị Ch.

- Về con chung: Anh S và chị Ch có 02 con chung tên Lưu Trúc Ngh, sinh ngày 01-01-2008 và Lưu Trúc Th, sinh ngày 01-01-2013, hiện nay anh S đang nuôi dưỡng hai con chung. Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, anh không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh S xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim Ch: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa chị Ch vắng mặt.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Lưu Hùng S đối với bị đơn chị Lê Thị Kim Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị Kim Ch chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lưu Hùng S, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Ch vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lưu Hùng S và chị Lê Thị Kim Ch chung sống với nhau vào năm 2007 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20-12-2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lưu Hùng S:* Vợ chồng anh Lưu Hùng S và chị Lê Thị Kim Ch không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của anh S tại Tòa án và qua xác minh tại địa

phương: Anh S và chị Ch có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và do chị Ch không tôn trọng anh, không quan tâm chăm sóc chồng con, thiếu trách nhiệm đối với chồng con, anh S đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn giữa anh S và chị Ch ngày càng trầm trọng. Mặt khác, anh S và chị Ch đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Toà án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh S xin ly hôn với chị Ch là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh S và chị Ch có 02 con chung tên Lưu Trúc Ngh, sinh ngày 01-01-2008 và Lưu Trúc Th, sinh ngày 01-01-2013, hiện nay anh S đang nuôi dưỡng hai con chung. Anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, anh không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con vì anh có thu nhập ổn định, đủ điều kiện kinh tế nuôi con được.

Xét thấy, từ thời gian anh S và chị Ch sống ly thân cho đến nay, cháu Ngh và cháu Th vẫn do một mình anh S chăm sóc, nuôi dưỡng tốt. Mặt khác, cháu Ngh và cháu Th có nguyện vọng được ở với cha. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh S được tiếp tục nuôi cháu Ngh và cháu Th. Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị Ch đúng theo quy định pháp luật nhưng chị Ch vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh S và chị Ch được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà anh S xác nhận trong thời gian chung sống cùng chị Ch, anh chị không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[7] *Về án phí*: Anh Lưu Hùng S là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

4

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lưu Hùng S và chị Lê Thị Kim Ch.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Trúc Ngh, sinh ngày 01-01-2008 và Lưu Trúc Th, sinh ngày 01-01-2013 cho anh Lưu Hùng S trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Lê Thị Kim Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Lưu Hùng S phải nộp 300.000 đồng nhưng anh S được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002116 ngày 03-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh S không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Anh Lưu Hùng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị Kim Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân